

KĨ NĂNG THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Phạm Nhân Thành*

Title: *The capability to practise Vietnamese*

Từ khóa: *Kỹ năng, tiếng Việt*

Keywords: *Competence, Vietnamese*

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 20/10/2016;

Ngày nhận kết quả bình
duyet: 21/11/2016;

Ngày chấp nhận đăng bài:
06/9/2017.

Tác giả:

* TS., trường Đại học CNTP
Tp.Hồ Chí Minh
thanhp@cntp.edu.vn

TÓM TẮT

Nội dung bài viết đề cập đến hiện tượng phổ biến trong quá trình sử dụng tiếng Việt. Đó là hiện tượng sử dụng sai tiếng Việt trên cả ba cấp độ là từ, chính tả và câu. Ở mỗi cấp độ, tác giả lần lượt nêu từng vấn đề là biểu hiện, nguyên nhân trong việc sử dụng sai. Từ đó, bài viết cho thấy việc sử dụng đúng tiếng Việt trong đời sống có ý nghĩa và vai trò quan trọng.

ABSTRACT

The article mentions a common phenomenon occurring in the process of using Vietnamese. That is the phenomenon of using Vietnamese incorrectly from the level of word, spelling to the level of sentence. In each level, the author identifies the manifestation and the cause of that false use. Therefore the article points out how important and significant of using Vietnamese exactly.

Mở đầu

Ai cũng biết rằng không phải cứ đã là người Việt đều sử dụng thành thạo tiếng Việt trong mọi hoàn cảnh giao tiếp khác nhau. Đó thường là các trường hợp dùng thừa từ, thiếu từ, sai từ và phát âm không chuẩn trong văn nói. Trong văn viết, các trường hợp phổ biến là lỗi ngữ pháp, chính tả hoặc sử dụng không đúng nghĩa gốc của từ. Nói hay viết tiếng Việt cho thật chuẩn trong mọi tình huống quả là vấn đề phải học tập suốt đời. Để góp phần nhỏ trong việc bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt, bài viết ngắn dưới đây mô tả chi tiết một số lỗi thường gặp trong đời sống thường ngày. Qua đó, bài viết cũng đề xuất một vài cách khắc phục dễ hiểu, dễ thực hiện. Với mục đích xác định như vậy, bài viết này chỉ mong hướng đến đối tượng chính là sinh viên, học sinh nhằm nhắc nhở họ luôn rèn luyện kĩ năng nói và viết tốt tiếng Việt.

Nội dung chính

Nội dung của bài viết đề cập đến ba phần chính là từ, chính tả và câu. Mỗi phần có các tiểu mục đề cập đến từng biểu hiện khác nhau. Dĩ nhiên là không thể đầy đủ, chi tiết

được trong một bài viết ngắn. Do đó, người đọc có thể tìm hiểu thêm vấn đề này ở một số công trình khác.

1. Từ

1.1. Trước đây không lâu từng có một quảng cáo “*Trắng gì mà sáng thế*” trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng khác nhau. Bất kì người Việt nào cũng thấy cụm từ này có điều không bình thường nhưng không phải ai cũng giải thích được vì sao. Phải có kiến thức về phân loại và cách sử dụng tính từ, về khả năng kết hợp của các trợ từ dùng để hỏi mới chỉ ra được điều “không bình thường” ấy. Nhưng nếu như trong ngôn ngữ quảng cáo (mà thường bị phóng đại là văn hoá quảng cáo) xem việc tạo ra điều “không bình thường” là một thủ thuật thì thông báo dưới đây ở một trường đại học (không tiện nêu tên) lại thật thà đến mức phản cảm:

“*Sinh viên nợ môn cần hết sức lưu ý liên hệ với các khoa:*

Tiếng Anh thì đến khoa Ngoại ngữ

Tài chính doanh nghiệp thì đến khoa Kinh tế

Văn hoá du lịch thì đến khoa Châu Á

Chính trị thì liên hệ tại đây” (1)

Sai lầm chính của thông báo (1) là tác giả đã ngây thơ sử dụng khẩu ngữ vào văn bản hành chính – công vụ (tức là không bỏ từ *thì* không chịu được).

Gần đây, một nhà sản xuất quảng cáo sản phẩm của mình trên các phương tiện thông tin đại chúng có câu “*Thuốc Nam mà hiệu quả*”. Không rõ nếu có ai hỏi lại: Thế hoá ra xưa nay thuốc Nam là thứ dỏm hết hay sao thì nhà sản xuất kia sẽ trả lời thế nào. Chỉ một từ *mà* (vốn mang nghĩa nhượng bộ như trường hợp *thầy giáo mà cũng ăn cắp*) đã dẫn đến tình trạng dở khóc, dở cười cho thuốc Nam khi rơi vào cảnh “*thương nhau như thế bằng mười phụ nhau*” của ngôn ngữ quảng cáo.

1.2. Ngay đối với người từng cầm bút, việc nhầm lẫn nghĩa của từ gần nghĩa cũng không phải quá hiếm. Chẳng hạn trường hợp của một người viết truyện ngắn:

Nói làm gì tội nghiệp. Sau khi lành bệnh, con bé ăn nói trở nên rất ngây thơ (2)

Hoặc cách nói quen thuộc:

Chúng tôi chỉ hỗ trợ cho các anh chị kiến thức cơ bản, phần còn lại các anh chị tự học lấy (3)

Ở (2) đúng ra phải dùng từ *ngây ngô* tác giả lại viết *ngây thơ*. Ở (3) người nói sử dụng không chính xác từ gốc Hán *hỗ trợ*. *Hỗ* (trong các kết hợp tương hỗ, hỗ tương...) có nghĩa là lẫn nhau, có qua có lại. Khi công việc chỉ diễn ra với một phía, một chiều (trong trường hợp này là giảng viên truyền thụ kiến thức cho sinh viên) thì không thể nói *hỗ trợ* mà phải được thay bằng một trong các từ giúp đỡ, truyền thụ, giảng dạy, hướng dẫn,...

1.3. Hiểu sai, nhầm hoặc lệch nghĩa của từ là nguyên nhân chính khi sử dụng lẫn lộn hàng loạt từ Hán Việt như yếu điểm/điểm yếu, dân số/số dân, công nhân/nhân công... Tương tự, không phải ai đã là người Việt cũng dễ dàng phân biệt chính xác sắc thái ý nghĩa các từ có một âm tiết cùng âm như kiến thức, nhận thức, ý thức, tri thức, trí thức,... hoặc hoàn chỉnh, hoàn bị, hoàn hảo, hoàn mỹ, hoàn tất, hoàn thành, hoàn thiện, hoàn toàn,...

Nhân đây xin mời bạn đọc thư giãn với một trắc nghiệm nhỏ:

Điền chính xác các từ đã cho vào chỗ trống

1.3.1. Họ (1) chưa đủ điều kiện để (2) công trình ấy một cách (3) như mong muốn. Không thể có những con người (4) đến mức (5) mọi công việc khác nhau một cách (6) trong thời gian ngắn như vậy.

a. Hoàn chỉnh b. Hoàn hảo c. Hoàn tất
d. Hoàn thành e. Hoàn thiện g. Hoàn toàn

1.3.2. Nhờ khắc phục nhanh những (1) của bệnh thành tích nên quá trình đào tạo của trường trong ba năm trở lại đây đạt (2) đáng mừng (3) này đã ít nhiều chứng minh đó là (4) của quá trình đổi mới.

a. Hệ quả b. Hậu quả c. Hiệu quả d. Kết quả

Có mẫu chuyện vui:

Anh thương bình hỏi người yêu:

– *Em yêu anh thế nào?*

Cô gái thật thà:

– *Em yêu anh chân thật.*

Chàng trai sầm mặt, bạt tai người yêu và bỏ đi.

Khi hoàn hồn cô gái mới chợt hiểu ra người yêu của mình bị cụt một chân và đang đi chân giả. (4)

Hiện tượng đồng âm trong tiếng Việt khá nhiều. Không cần trọng trong phát ngôn đôi khi xảy ra nhiều điều ngoài ý muốn như trường hợp (4) dẫn trên. Lại cũng không hiếm trường hợp hiểu nhầm dẫn đến điều đáng tiếc trong giao tiếp khi dùng cụm từ “mất dạy” (không còn giảng dạy nữa) để trêu chọc nhau.

2. Chính tả

2.1. Chúng ta vẫn thường gặp thói quen viết ngành nghề, ngất ngư,... trong nhiều văn bản khác nhau. Nếu người viết có hiểu biết về nguyên tắc kết hợp các nguyên âm mở, nguyên âm khép đối với phụ âm kép *ng/ngh* chắc những sai sót này sẽ không xảy ra. Theo đó, buộc phải viết ngành nghề, ngất ngư, ngư nghiệp, gồ ghề, ngủ nghỉ,... chứ không phải là ngư nghiệp, ghồ ghề, ngủ nghĩ. Vẫn biết chữ viết tiếng Việt là thứ chữ ghi âm nhưng không vì thế mà tùy tiện nói sao viết vậy. Trong khi chờ đợi quy định khác, người

viết cần tuân thủ những định chế vẫn còn hiệu lực để thể hiện tính chuẩn mực tiếng Việt trên văn bản là điều cần thiết.

2.2. Nhiều người thắc mắc, thậm chí tranh cãi gay gắt về việc viết thế nào cho đúng các từ *trau giỗi* /dʒ/ hay *trau dỗi* /d/, *giành* /dʒ/ *giật* hay *dành* /d/ *giật*, *giòng* /dʒ/ *nước* – *dòng* /d/ *nước*, *giòng* /dʒ/ *dỗi* – *dòng* /d/ *dỗi*, *buồng ngủ* – *phòng ngủ*, *sinh mạng* /a:/ – *sinh mệnh* /e/, *mặc dầu* /au/ – *mặc dù* /u:/, *khai sinh* /i/ – *khai sanh* /a:/, *thí* /ø/ *dụ* – *ví* /v/ *dụ*... Cần biết rằng dù chậm chạp, ngôn ngữ vẫn không ngừng biến đổi trên nhiều phương diện theo sự phát triển của xã hội. Mặt khác, chính tả tiếng Việt còn phụ thuộc khá lớn vào thói quen phát âm của từng vùng (tiếng địa phương) khác nhau. Hai nguyên nhân này tạo nên những biến thể cùng tồn tại như nhau (xét về mặt giá trị) nên không thể căn cứ vào thói quen sử dụng của cá nhân để giải thích sự đúng sai trong các biến thể song song nêu trên. Điều này có nghĩa người tiếp nhận văn bản (người đọc) không thể thuần túy theo thói quen viết của cá nhân để phê phán cách viết của người tạo lập văn bản (người viết) khi thấy họ viết không đúng ý mình. Cần biết thêm là thói quen phát âm trải qua rất nhiều năm đã được xã hội (cộng đồng) chấp nhận thì có nhiều từ dùng sai lại trở thành “đúng”. Chẳng hạn quen nói (viết) *thống kê* mà thực ra là *thống kế* mới đúng. Do đó hiện nay vẫn quen dùng *hiệp chủng quốc*/*hiệp chúng quốc*, *an ủi*/*an ủy*, *chung cư*/*chúng cư*, *bầu cử*/*bảo cử*,... mặc dù về cội nguồn, các từ đứng sau mới chính xác.

2.3. Về đại thể, nước ta hiện nay tồn tại ba loại tiếng địa phương (phương ngữ) ứng với ba vùng Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Tiếng địa phương nào cũng có khiếm khuyết riêng trong phát âm kéo theo việc viết sai chính tả. Chẳng hạn tiếng địa phương Trung Bộ không phân biệt được cường độ của những từ có dấu thanh hỏi/ngã, có phụ âm cuối c/t (bác/bát, các/cát, mác/mát,...) và trường độ của các phụ âm cuối n/ng (ban/bang, tan/tang, san/sang) trong phát

âm nên thường viết sai khi gặp các trường hợp này. Cũng thế, phương ngữ Bắc Bộ phát âm giống nhau (hoặc lẫn lộn) những từ có phụ âm đầu x/s, l/n, tr/ch, gi/r/d. Kết quả là nhiều lúc khó hiểu nếu không xét chúng trong ngữ cảnh (nước nào/nước Lào, giăng lên/trăng lên, xã Hiệp Đức/xã Hiệp Đức...) và sai chính tả trầm trọng trên văn bản viết do nói sao viết vậy. Trong khi đó, vùng Nam Bộ ngoài những lỗi phát âm giống phương ngữ Trung Bộ còn sai cả về phần vần như ao/au (ngao ngán/ngau ngán, chao/chau...), ay/ai (tay/tai, thay thế/thai thế, may mắn/mai mắn...) và qu/w (qua/wa, quang/wang...). Tuy nhiên cũng cần ghi nhận dù phát âm như vậy nhưng người Nam Bộ ít viết sai khi gặp các trường hợp đã nêu.

3. Câu

Tham khảo chuyện vui dân gian sau để thấy vai trò của câu trong mọi tình huống giao tiếp:

Một thầy lang bị kiện đến cửa quan vì đã làm cho người bệnh chết. Quan hỏi:

- Người đã trị bệnh thế nào để người này chết hả?

- Bẩm, người này bị đau bụng. Con đã cho uống nhân sâm theo đúng sách dạy ạ!

- Đưa sách ta xem.

Thầy lang vội đưa sách và giở đến trang có hàng chữ cuối cùng: “Phúc thống phục nhân sâm” cho quan xem. Quan liền giở trang tiếp theo thì thấy có thêm hai chữ “tắc tử”. Hoá ra nguyên câu này là: “Phúc thống phục nhân sâm tắc tử” (Đau bụng uống nhân sâm tắc tử). (5)

Câu chuyện vui (5) dẫn trên ít nhiều cho thấy tầm quan trọng của câu.

Câu là đơn vị cơ bản trong giao tiếp. Không biết hoặc không chú ý khi sử dụng dễ gặp lỗi câu què, câu cụt, câu dài hay câu mơ hồ khi tạo văn bản. Một ví dụ:

- Đây là phát minh mới áp dụng trong công nghệ Sinh học. (6)

- Hai giải nhì được thưởng 500.000đ. (7)

Ở (6), từ *mới* có khả năng kết hợp với yếu tố đứng trước (phát minh mới) và đứng sau (mới áp dụng) khiến người đọc (nghe) không xác định được nội dung cụ thể của thông báo. Vì thế, câu này mơ hồ về cấu trúc. Câu (7) mặc dù đúng ngữ pháp và các từ đều có nghĩa xác định nhưng lại gây ra hai cách hiểu: Mỗi giải được 500.000đ hay cả hai giải được 500.000đ (tức mỗi giải 250.000đ). Cách viết quá ngắn gọn như thế tạo ra loại câu mơ hồ về logic.

Một lỗi thường gặp nữa là do không nắm vững chức năng dấu câu nên viết câu dài đến vài chục từ mà không hề có một dấu câu nào, viết cả trang giấy mà không thấy sang hàng hoặc sử dụng dấu câu vô tội vạ (phải dùng dấu chấm lại dùng dấu phẩy và ngược lại, sử dụng tràn lan dấu chấm phẩy...). Chẳng hạn trường hợp viết câu của một học giả khá nổi tiếng (xin không nêu tên tác giả) trong một công trình do nhà xuất bản Trẻ xuất bản năm 2004:

“Phải chăng trước hiện tượng này, với nhận thức của chúng ta, cần phải có sự phối hợp nỗ lực của Nhà nước, nhân dân, các nhà khoa học, một mặt, giúp người dân nhận thức đúng đắn hơn về giá trị văn hóa quý báu của mỗi dân tộc, khắc phục tư tưởng mặc cảm, tự ti, trọng ngoại, để nhân dân các dân tộc có ý thức và tự hào về nền văn hóa độc đáo của mình, từ đó có những hành động bảo vệ, giữ gìn các di sản văn hóa quý báu đó; mặt khác, Nhà nước cần phải xây dựng các chương trình, hành động cụ thể trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc, tạo những điều kiện môi trường cho quá trình giao lưu văn hóa diễn ra theo các bước tự nhiên của tiếp biến văn hóa: đan xen, sao chép lựa chọn, tái tạo và liên kết văn hóa.” (8)

Đọc (8), dễ thấy có thể chia sẽ được với ý đồ của tác giả khi sử dụng dấu chấm phẩy nhằm chia tách tính hai mặt của cùng một vấn đề trình bày (trên kia đã dùng từ *một mặt*, dưới này viết *mặt khác*). Tiếc thay không cần phải như vậy nếu tác giả tổ chức câu trên thành nhiều câu hơn thì vấn đề trình bày trong câu sẽ mạch lạc hơn rất nhiều. Có lẽ vì

quá say sưa với thành tựu nghiên cứu của mình nên tác giả rất không chú ý khi sử dụng tràn lan dấu phẩy rồi lạm dụng luôn dấu chấm phẩy rất không đúng chức năng của nó. Đáng tiếc chính điều đó làm cho câu quá dài thật không nên có trong công trình nghiên cứu khoa học.

Tất nhiên với người đọc là người Việt sẽ hiểu được nội dung tác giả muốn truyền đạt. Nhưng vấn đề đặt ra là viết như vậy liệu có nên không và nếu muốn sửa chữa cho chuẩn hơn thì có cách nào không. Dĩ nhiên là có nếu nắm vững quy tắc sử dụng dấu câu tiếng Việt.

Một lỗi khác cũng rất đáng tiếc khi người viết (nói) muốn nhấn mạnh một ý (một vấn đề) quan trọng nhưng do đặt ý ấy sai vị trí trong câu (hay trong văn bản) thành ra ý này trở nên mờ nhạt. Người viết (nói) cũng “cảm thấy” như thế nên buộc phải viết (nói) thêm để tường minh ý đồ diễn đạt. Kết quả là càng viết (nói) càng dài, càng “vòng vo Tam Quốc” khiến người nghe (đọc) không hiểu hoặc khó hiểu tác giả muốn viết (nói) điều gì. Chữa sai lầm lỗi diễn đạt kiểu đó, tiếc thay, càng làm cho sai lầm thêm trầm trọng.

Nhân đây mời bạn đọc thử tự kiểm tra kĩ năng diễn đạt bằng một trắc nghiệm nhỏ sau:

Chỉ với năm từ trong câu “Nó bảo sao không đến”, bạn có thể biến đổi được bao nhiêu câu khác nhau?

Đáp án:

- Dưới 30 câu: Không sao, bạn còn thời gian và cơ hội để tiếp tục rèn luyện.
- Trên 30 câu: Chúc mừng! Bạn là một diễn giả thành đạt.
- Trên 40 câu: Rất có thể bạn vốn là nhà ngôn ngữ học bẩm sinh.

Nói và viết đúng cú pháp quả không khó nhưng nói hay, viết hay đòi hỏi phải rèn luyện. Chính vì vậy nên có không hiếm người nói rất hay nhưng viết sai ở nhiều cấp độ hoặc ngược lại. Cũng không ít người viết rất chặt chẽ, súc tích nhưng khi phát biểu lại liên tục “coi như là...”, “thì, là, mà, cà...” đến nỗi có trường hợp diễn thuyết “*Các anh chị biết*

không, vua Quang coi như là Trung..." mà vẫn không hiểu vì sao cử tọa cười ồ. Hoàn toàn có thể khắc phục được những trở trêu này nếu nắm vững quy tắc tạo lập văn bản và ngôn bản trong các mục đích giao tiếp khác nhau.

Kết luận

Những vấn đề viết trên đây không có gì mới mẻ. Học sinh, sinh viên hay người học nói chung thuộc bất kì ngành nghề nào cũng đều đụng chạm đến văn bản (các loại báo cáo, tham luận, ghi biên bản, lập đồ án, viết tiểu luận, làm đề cương,...) và ngôn bản (thuyết trình, phỏng vấn, diễn giảng,...). Để giúp người học sử dụng tốt tiếng Việt vào những trường hợp như vậy, nhiều trường đại học, cao đẳng đưa môn Tiếng Việt (Tiếng Việt thực hành, Đại cương ngôn ngữ học,...) vào chương trình đào tạo của họ là hẳn nhiên.

Khép lại bài viết nhỏ này xin mời bạn đọc tham khảo thêm cách viết (diễn đạt) của danh sĩ Phạm Thái sống cách nay không dưới hai thế kỉ (tức là cùng thời với đại thi hào Nguyễn Du). Tác phẩm này được viết trong tác phẩm "*Văn tế Trương Quỳnh Như*" (nhà văn Khái Hưng đăng lại nguyên văn trong tác phẩm "*Tiêu sơn tráng sĩ*" của ông xuất bản khoảng năm 1940 ở Hà Nội) để suy nghiệm thêm về cách viết của chúng ta hiện nay.

"Nương tử ơi! Căn chướng ấy bởi vì đâu? Oan thác ấy bởi vì đâu? Cho đến nỗi xuân tàn hoa nộ, thu lẫn trắng rằm!

Lại có điều đau đớn thế! Nhà huyền ví có năm có bảy mà riêng mình nàng đeo phận bạc thì lửa nguội nước voi còn có lẽ.

Thương hại thay! Hoa có một cành, tuyết có một quăng, nguyệt có một vàng, mây có một đoá.

Thân là thân hiếm hoi chùng ấy nữ nào lấy đôi mươi làm một kiếp mà ngom ngóm chốn non Bồng nước Nhược, chút gì không đoái đến côi phù sinh!

Ví dù mà tiên thù với tục sao xưa kia vâng mệnh xuống trần chi? Nay đã nguyện một thân cho vẹn kiếp thì ba vạn sáu ngàn ngày sống cho đủ lệ: nợ xuân huyền, này phu tử góp với trần gian không chút hận rồi sẽ rong chơi chín suối, có sao riêng bóng vội vàng chi?

Ôi! Chữ mệnh hẹp hòi, chữ duyên suông sả, những như thân giá ấy, tình cảnh ấy, ngược xuôi kia cũng ngậm ngùi cho. Huống ta cùng nương tử tuy chẳng thân kia thích nợ nhưng tình duyên ấy cũng là một chút cương thường: dầu rằng kẻ ấy lạ người đây, song ân ái bấy lâu nay đã biết bao nhiêu tâm sự!

Ta hăm hở chí trai hồ thỉ bởi đợi thời nên nấn ná nhân duyên. Nàng long đong thân gái liễu bờ vì giận phận hoá ngang tàng tính mạng.

Cho đến nỗi hoa rơi lá rụng, ngọc nát châu chìm; chua xót cũng vì đâu?

Nay qua nắm cỏ xanh, tưởng người phận bạc, sùi sụt hai hàng tình lệ, giải bày một bức khóc văn, đốt xuống tuyền đài tỏ cùng nương tử!"

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thiện Giáp. (2003). *Dẫn luận ngôn ngữ học*. Hà Nội: NXB. Giáo dục.
2. Hoàng Phê. (1989). *Logic ngôn ngữ học*. Hà Nội: NXB. Khoa học xã hội.
3. Nguyễn Kim Thản. (1994). *Lược sử ngôn ngữ học*. Hà Nội: NXB. Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
4. Asher R.E. (1994). *The Encyclopedia of Language and Linguistics*. London: P.P.
5. Bright W. (1992). *International Encyclopedia of Linguistics*. London: O.U.P.
6. Ducrot O. (1972). *Dictionnaire encyclopédique des sciences de langage*. Paris: L.S.P.